

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH**

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hà Minh Lực.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Bùi Khắc Thái.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Bùi Ngọc Tạo -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58 /2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị Hồng L, sinh năm 1982.

*HKTT:* Khu tập thể ga Y, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

*Hiện trú tại:* Số nhà 9, Ngõ 11 T, T, huyện T thành phố Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Tuấn Anh - Luật sư Công ty Luật TNHH Gia Anh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Anh Phan Thanh N, sinh năm 1986.

*Trú tại:* Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L và anh N vắng mặt,

đều đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 03 năm 2022; bản tự khai; đơn đề nghị xử vắng mặt của nguyên đơn chị Tống Thị Hồng L, trình bày:

### *1. Về quan hệ hôn nhân:*

Chị và anh Phan Thanh N có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình anh N ở thôn S, xã Q, huyện N. Vợ chồng chị hòa thuận hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh N không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau. Sau đó vợ chồng chị đã ly thân từ 08/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xin ly hôn anh N vì tình cảm vợ chồng không còn.

### *2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:*

Chị và anh N có 01 con chung là cháu Phan Tuấn A, sinh ngày 07/12/2009, từ khi vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay cháu A ở với anh N và gia đình bố mẹ đẻ của anh N. Nếu ly hôn chị L xin được để cháu A tiếp tục sinh sống cùng ông bà nội và anh N để thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, học tập, sinh sống của cháu Anh cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị L không có đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

### *3. Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với quan điểm của bị đơn anh Phan Thanh N:

### *1. Về quan hệ hôn nhân:*

Do anh Phan Thanh N thường đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho anh N thông qua đại diện gia đình anh N. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện N đã lập biên bản làm việc tại trụ sở UBND xã Q để triệu tập anh N lên làm việc để làm rõ các vấn đề trong vụ án hôn nhân và gia đình nêu trên nhưng anh N không có mặt. Tại buổi làm việc ngày 8 tháng 7 năm 2022, đại diện gia đình anh N là bà Hoàng Thị Minh A là mẹ anh N đã trình bày như sau: Anh N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án; quan điểm của anh N nhất trí ly hôn với chị L và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### *2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:*

Anh N xác định có 01 con chung như chị L đã trình bày và sau khi ly hôn với chị L thì xin được để cho cháu Phan Tuấn A tiếp tục ở với anh N và ông bà nội để gia đình anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A đến khi đủ 18 tuổi, anh N không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng mình.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh N không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến, nguyện vọng của cháu Phan Tuấn A: Từ khi bố mẹ cháu ly thân cho đến nay cháu đã ở với bố và ông bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Phan Thanh N và ông bà nội để ổn định việc học hành của cháu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn chị Tống Thị Hồng L đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Thanh N mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện N tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng suốt

trong quá trình giải quyết vụ án anh N đều không có mặt làm việc với Tòa án. Nhưng anh N cũng đã bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình về các vấn đề giải quyết vụ án thông qua đại diện gia đình mình khi vắng nhà (mẹ đẻ anh N). Vì vậy bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị Hồng L. Xử lý hôn giữa chị Tổng Thị Hồng L và anh Phan Thanh N.

*2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Phan Tuấn Anh sinh ngày 07/12/2009, hiện đang ở với anh N để anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác; Chị Tổng Thị Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu chị L mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

*3. Về án phí ly hôn:* Chị Tổng Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định là 300.000đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **1. Về thủ tục tố tụng.**

*1.1. Về quan hệ tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1,

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

**2. Về nội dung vụ án:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị Tống Thị Hồng L và anh Phan Thanh N có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ anh N ở thôn S, xã Q, huyện N. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh N không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau. Đối với anh N vì anh vắng mặt không đến Tòa làm việc và có yêu cầu xử vắng mặt nên về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ,anh N không trình bày trước Tòa cụ thể như thế nào. Tuy nhiên trên thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 08/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó đã xác định tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị L không còn, quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ tồn tại trên hình thức, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh N. Xử lý hôn giữa chị L và anh N để hai người sớm ổn định cuộc sống là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Phan Tuấn A sinh ngày 07/12/2009, từ khi vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay cháu A ở với anh N và gia đình bố mẹ đẻ của anh N. Nếu ly hôn cả chị L và anh N xin được để cháu A tiếp tục sinh sống cùng ông bà nội và anh N để thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, học tập, sinh sống của cháu A cho đến khi trưởng thành, mặt khác cháu A cũng có nguyện vọng tiếp tục ở cùng bố là anh N và ông bà nội. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không đề nghị cấp dưỡng nuôi con cùng anh N và anh N cũng không có đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng mình, bên cạnh đó Hội đồng xét xử xét thấy anh N là người khỏe mạnh, có công ăn việc làm thu nhập ổn định nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

*2.3. Về tài sản chung và công nợ chung:* Các đương sự không có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.

*2.4. Về án phí ly hôn:* Chị L phải nộp theo quy định Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Các Điều 5, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị Hồng L.** Xử lý hôn giữa chị Tống Thị Hồng L và anh Phan Thanh N.

**2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Giao cháu Phan Tuấn A, sinh 07/12/2009 hiện cháu đang ở cùng anh N để cho anh N tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

### 3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tống Thị Hồng L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2021/ 0003579 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

**4. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, anh N và chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hà Minh Lực**